

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-12-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- 1. Ông Lâm Văn Bình.**
- 2. Ông Nguyễn Văn Dũng.**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **141/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày **24** tháng **11** năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp X, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị M, sinh năm 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Khóm Y, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. Người tham gia tố tụng khác:

*Người làm chứng:*

3.1. Ông X, sinh năm 1957; Khóm Y, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt;

3.2. Ông Đ, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp X, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2020, trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, anh C, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M cưới nhau năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 01/11/2002; Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà cha mẹ anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh bị bệnh tai biến không lao động được dẫn đến mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế trong gia đình. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Vợ chồng anh không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Từ lúc vợ chồng không sống chung thì có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị M. Về con chung: Có hai con chung tên S sinh ngày 01/01/1997 và N sinh ngày 18/9/2000, hiện hai con chung đã trưởng thành đủ khả năng lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn chị M đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng chị M vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 11 năm 2020, người làm chứng ông X, trình bày: Ông là cha ruột chị M, cha vợ anh C, ông không có mâu thuẫn gì với chị M, anh C. Anh C, chị M cưới nhau từ năm 1995. Sau khi cưới thì sống bên nhà anh C. Vợ chồng sống hạnh phúc cho đến 02 – 03 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn nên chị M về nhà ông sinh sống. Sau đó chị M lên Bình Dương làm nhưng vẫn thường xuyên về nhà ông ở. Ông không rõ vợ chồng anh C, chị M mâu thuẫn nguyên nhân gì nhưng đã không sống chung khoảng 02 – 03 năm nay. Dịp Tết năm nay chị M về nhà ông thì anh C có xuống thăm nhưng không hàn gắn được tình cảm. Gia đình sui gia hai bên thì không có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn cho anh C, chị M, tự vợ chồng anh C ly thân với nhau. Khi anh C yêu cầu ly hôn, Tòa án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải cho chị M thì ông có điện thoại báo cho chị M hay, chị M cũng đồng ý ly hôn nhưng do bận đi làm nên không thể đến Tòa án giải quyết ly hôn được. Về con chung thì vợ chồng anh C, chị M có hai con chung tên S, N, cả hai đã trên 18 tuổi. S đi xuất khẩu lao động còn N đã có gia đình riêng. Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 11 năm 2020, người làm chứng ông Đ, trình bày: Ông là cha ruột anh C, cha chồng chị M. Anh C, chị M cưới nhau từ năm 1996 đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới sống bên gia đình ông. Thời gian đầu chung sống

hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C bị bệnh tai biến không có khả năng lao động nên vợ chồng anh C mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế. Năm 2016 cha chị M là ông X có đến nhà gặp ông nói chuyện về việc đem chị M về để la rầy, dạy bảo nhưng thực chất là tạo điều kiện cho chị M đi làm xa không về nhà chăm sóc gia đình. Chị M và anh C không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng anh C không sống chung thì có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Khi anh C nộp đơn ly hôn có gọi điện thoại báo cho chị M hay, chị M đồng ý ly hôn và hứa sẽ đến Tòa án giải quyết ly hôn với anh C nhưng sau đó chị M nói bận công việc không đến được. Về con chung: Có hai con chung tên S sinh ngày 01/01/1997 và N sinh ngày 18/9/2000, đã trưởng thành đủ khả năng lao động sinh sống được. Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh C được ly hôn với chị M. Về con chung: S sinh ngày 01/01/1997 và N sinh ngày 18/9/2000, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không có nên không đề cập đến, nếu có tranh chấp giải quyết bằng vụ kiện khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh C khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị M được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn, theo Trích lục kết hôn số 552/TLKH-BS ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị M. Xét, yêu cầu của anh C là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh C và chị M phát sinh mâu thuẫn gia đình là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C bị bệnh nên vợ chồng bất đồng quan điểm về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng anh C, chị M đã

không còn sống chung khoảng 02 - 03 năm nay, phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Đ, ông X. Hội đồng xét xử đã động viên anh C hàn gắn tình cảm với chị M nhưng anh C vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo và Quyết định đã 04 lần nhưng chị M vẫn không có văn bản ghi ý kiến, không đến Tòa án hòa giải với anh C để vợ chồng hàn gắn tình cảm, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, chị M chỉ nhấn lại với ông X là đồng ý ly hôn nhưng bận công việc không thể đến Tòa án. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh C và chị M không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh C được ly hôn với chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành, không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn anh C chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BH/2018/0001424 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh C. Cho anh C được ly hôn với chị M.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BH/2018/0001424 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/12/2020); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**